TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2021/DS-ST
Ngày 30- 9- 2021
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Quý

2. Ông Lò Văn Trực

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2021/TLST- DS ngày 01/7/2021 về vụ án: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/QĐXX-ST ngày 15/9/2021 giữa;

Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Người đại diện theo pháp Luật:

Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Anh T; Chức vụ: Giám đốc - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Bị đơn: Ông Hà Minh S; Sinh năm 1960 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị T; Sinh năm 1962 (có mặt).

Chị Hà Thị L, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn trình bày:

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T thực hiện chương trình cho vay xuất khẩu lao động. Căn cứ vào danh sách đề nghị vay vốn đã được tổ tiết kiệm và vay vốn thôn K, xã Đ T, huyện B T bình xét, Chủ tịch UBND xã Đ T và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T phê duyệt cho vay ngày 05/9/2009. Hộ ông Hà Minh S và người thừa kế là bà Bùi Thị T, mục đích sử dụng cho con đi lao động xuất khẩu số tiền vay 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), ngày vay 11/9/2009 đến 11/9/2012 là đến hạn trả nợ, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,845%/tháng, lãi suất ưu đãi hai năm đầu là 0,32%/tháng. Tiền gốc phân kỳ là 03 kỳ. Phân kỳ thứ nhất trả 13.000.000đ, phân kỳ thứ hai trả 13.000.000đ, và phân kỳ cuối trả 14.000.000đ

Quá trình vay ông S mới trả được 128.000đ tiền lãi.

Đến hạn hộ ông S không trả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T. Toàn bộ số viền vay đã được chuyển nợ quá hạn là 40.000.000đ từ ngày 11 tháng 09 năm 2012.

Nay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T khởi kiện yêu cầu hộ ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ nợ gốc là 40.000.000đ và lãi 42.703.253đ. Tổng cả gốc và lãi là 82. 703.253đ

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

Bị đơn Ông Hà Minh S và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và Bùi Thị T, chị Hà Thị L trình bày. Ông Hà Minh S có làm đơn vay vốn cho chị L đi lao động xuất khẩu và có tự nguyện ký ủy nhiệm chi cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T chuyển tiền cho Trung tâm xuất nhập khẩu ĐTXD và LĐ Thăng Long. Sau đó chị Liên không đi được lao động xuất khẩu được và gia đình ông S không được nhận lại tiền từ Trung tâm xuất nhập khẩu ĐTXD và LĐ Thăng Long. Ông S có khiếu nại nhiều nơi cũng không được giải quyết vì Trung tâm xuất nhập khẩu ĐTXD và LĐ Thăng Long đã giải thể. Nên kinh tế gia đình gặp khó khăn không trả được nợ theo hợp đồng tín dụng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Căn cứ: Các 429; Điều 463; Điều 466; Điều 288 Luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2

khoản 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) bị chuyển quá hạn từ ngày 11/9/2012. Và lãi quá hạn trong thời hiệu khởi kiện. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên người có nghĩa vụ trả nợ phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: Đây là vụ án *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", vay có thời hạn và có lãi.

[3.] *Về nội dung vụ án*: Có căn cứ xác định hộ ông Hà Minh S và người thừa kế là Bùi Thị T. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có cam kết trả nợ là chị Hà Thị L địa chỉ thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T số tiền gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) bị chuyển quá hạn từ ngày 11/9/2012. Lãi trong hạn ưu đãi trong hai năm đầu là 0,32%/tháng, lãi trong hạn không ưu đãi là 0,65%/tháng, lãi quá hạn là 130% của lãi trong hạn là 0,845%/tháng. Tổng số lãi đã trả là 128.000đ (Một trăm hai mươi tám nghìn đồng).

HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước buộc Ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L phải trả gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Lãi cụ thể là: Lãi trong hạn hai năm đầu với mức lãi ưu đãi là (40.000.000đ x 0,32% x 24 tháng) – 128.000đ (đã trả) = 2.944.000đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Lãi trong hạn hết ưu đãi 40.000.000đ x 0,65% x 12 tháng = 3.132.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Đối với số tiền lãi suất quá hạn: Theo tinh thần hướng dẫn tại Điều 23 Nghị Quyết số: 03/2012/NQ - HĐTP ngày 03/12/2012 và tinh thần của giải đáp một số vướng mắc trong xét xử số 02/TANDTC-PC ngày 02 tháng 8 năm 2021 tại mục 2. Phần III. Hết thời hiệu khởi kiện chỉ được tính nợ gốc. Thời hiệu khởi kiện là 03 (ba) năm vì vậy chỉ được tính lãi quá hạn 36 tháng.

Lãi quá hạn của 40.000.000đ x 0,845% x 36 tháng = 338.000đ x 36 tháng = 12.168.000đ (Mười hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Như vậy số lãi được chấp nhận và buộc gia đình ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L phải liên đới trả là 2.944.000đ + 3.132.000đ +12.168.000đ =18.244.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 58.244.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Về trách nhiệm trả nợ: Về chính sách cho vay là hộ gia đình. Thời điểm vay vốn của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T Ông Hà Minh S là người vay và bà Bùi Thị T là người thừa kế và người đi lao động có Hợp đồng lao động và có cam kết cùng trả nợ hàng tháng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T. Như vậy Ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L có trách nhiệm liên đới trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi cho vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T là 58.244.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Căn cứ theo án lệ số 08/2016/AL: Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[4].*Về án phí*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T nên ông Hà Minh S, và Bùi Thị T và chị Hà Thị L chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền phải trả nợ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ áp dụng: Các Điều 288; Điều 429; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Luật dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Án Lệ 08/2016/AL,

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T về khoản gốc 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Chấp nhận một phần về yêu cầu tính lãi của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T cụ thể như sau:

Lãi trong hạn ưu đãi chưa trả (40.000.000đ x 0,32% x 24 tháng) – 128.000đ(đã trả) = 3.072.000đ -128.000 = 2.944.000đđ (Hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Lãi trong hạn hết ưu đãi 40.000.000đ x 0,65% x 12 tháng = 3.132.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Lãi quá hạn của 40.000.000đ x 0,845% x 36 tháng = 338.000đ x 36 tháng =12.168.000đ (Mười hai triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tổng cả gốc và lãi là 58.244.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)

3. Hộ ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – đại diện theo ủy quyền -Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T tổng cả gốc và lãi là 58.244.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Nghĩa vụ trả nợ một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm người có nghĩa vụ trả nợ còn phải chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5.Về án phí: Hộ ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ số tiền án phí có giá ngạch của số tiền phải trả nợ 58.244.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) là 2.912.200đ làm tròn 2.912.000đ (Hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng).

6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, có mặt ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B T, ông Hà Minh S, bà Bùi Thị T và chị Hà Thị L có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
THA dân sự...
-Chi cuc THSDS huyện BT
…..
- Lưu hồ sơ vụ án.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Yến ***Nguyễn Văn Đàn*** ***Trần Thị Quyên***